

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B16QTC_TRỪ KINH TẾ
TÊN HỌC PHẦN: VIẾT TIẾNG VIỆT
MÃ HỌC PHẦN : COM - 102

ĐỢT HỌC 3
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	BÀI 1	BÀI 2	BÀI 3	BÀI 4	BÀI 5	G	F	SỐ	CHỮ	
					15		10	15	15	15	10		20	100		
1	152357243	Lê Thị Hoài	Loan	B16QTC	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP
2	162320299	Bùi Thị Khánh	Ly	B16QTC	10		7.5	8.5	9	8	7.5		8	8.4	Tam pháp Bấu	
3	162320328	Đoàn Anh	Tâm	B16QTC	10		8.5	8	9	8	7.5		7	8.3	Tam pháp Ba	
4	162330772	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	B16QTC	9		7	7.5	8.5	8	8.5		7.5	8.0	Tam	
5	162350448	Châu Ngọc Thạch	Anh	B16QTC	7		6.5	7.5	7.5	8.5	7.5		7	7.4	Baý pháp Bấu	
6	162350449	Ngô Thị Lan	Anh	B16QTC	7		6.5	8	8	8	7.5		7.5	7.6	Baý pháp Sau	
7	162350451	Võ Đức	Anh	B16QTC	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	
8	162350452	Lưu Quốc	Ban	B16QTC	9		6.5	7	9	7.5	7		6	7.4	Baý pháp Bấu	
9	162350453	Phạm Thị Ngọc	Bích	B16QTC	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	
10	162350454	Cao Ngọc	Cường	B16QTC	10		8	8	9	8.5	9		7.5	8.5	Tam pháp Nam	
11	162350455	Nguyễn Thị Phương	Danh	B16QTC	8		7	0	8.5	9	9		6.5	6.7	Sau pháp Baý	
12	162350456	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	B16QTC	10		8	9	9	8	7.5		8	8.6	Tam pháp Sau	
13	162350457	Hồ Thị	Dung	B16QTC	8		6	7	8	8	7		8	7.6	Baý pháp Sau	
14	162350458	Lê Thị Ngọc	Dung	B16QTC	10		7.5	7	9	9	9		8	8.5	Tam pháp Nam	
15	162350459	Phạm Thị Hồng	Dung	B16QTC	8		7	6.5	9	8.5	9		8	8.0	Tam	
16	162350460	Võ Thành	Dũng	B16QTC	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP
17	162350461	Trịnh	Duy	B16QTC	10		7.5	7	9.5	8.5	7.5		6.5	8.1	Tam pháp Mất	
18	162350462	Võ Việt	Điền	B16QTC	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP
19	162350463	Phạm Thị Hồng	Gấm	B16QTC	9		6.5	7	8.5	8	8		7	7.7	Baý pháp Baý	
20	162350465	Bùi Thái	Hà	B16QTC	10		7	6.5	8	7.5	7		5	7.2	Baý pháp Hai	
21	162350467	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	B16QTC	8		7	7.5	7	9	9		7.5	7.8	Baý pháp Tam	
22	162350470	Trần Thị Diệu	Hằng	B16QTC	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	
23	162350471	Hồ Thị Thúy	Hằng	B16QTC	9		7.5	8	7	7	6		8	7.6	Baý pháp Sau	
24	162350473	Nguyễn Minh	Hoa	B16QTC	4		6.5	0	0	0	0		0	1.3	Mất pháp Ba	
25	162350475	Hoàng Đình	Kết	B16QTC	8		5.5	7	8.5	7.5	7		7	7.3	Baý pháp Ba	
26	162350476	Lưu Chí	Kháng	B16QTC	6		7	6	6.5	7.5	7		7	6.7	Sau pháp Baý	
27	162350477	Văn Mỹ	Kim	B16QTC	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP
28	162350478	Trần Thị Mỹ	Lan	B16QTC	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP
29	162350479	Đinh Hoàng Cẩm	Lệ	B16QTC	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP
30	162350480	Huỳnh Thị Thúy	Linh	B16QTC	10		8	8	9	8.5	9		7	8.4	Tam pháp Bấu	
31	162350482	Nguyễn Ly	Na	B16QTC	10		7	8	8	8.5	9		7	8.2	Tam pháp Hai	
32	162350484	Lê Thị	Nga	B16QTC	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	
33	162350485	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	B16QTC	9		7	7	9.5	8.5	9		7.5	8.2	Tam pháp Hai	
34	162350486	Lê Thị Quỳnh	Ngân	B16QTC	8		6	7	9	8	8		7	7.6	Baý pháp Sau	
35	162350487	Nguyễn Thị Hoàng	Ngân	B16QTC	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	
36	162350488	Dư Anh	Nguyệt	B16QTC	10		8.5	8	9.5	8	8		8.5	8.7	Tam pháp Baý	
37	162350489	Nguyễn Trương Huy	Nhã	B16QTC	8		4	7	8.5	9	9		7.5	7.7	Baý pháp Baý	
38	162350490	Hồ Thị Thúy	Nhân	B16QTC	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP
39	162350491	Trương Văn Trí	Nhân	B16QTC	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP
40	162350492	Huỳnh Trần Thảo	Nhi	B16QTC	7		6.5	7	6.5	8	8		7	7.1	Baý pháp Mất	

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	BÀI 1	BÀI 2	BÀI 3	BÀI 4	BÀI 5	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		10	15	15	15	10		20	100			
41	162350494	Lê Thị Mỹ	Phúc	B16QTC	7		7	6.5	6.5	7	6		6.5	6.7	Sau pháp Baý		
42	162350495	Bùi Đức	Phương	B16QTC	9		6.5	7.5	9.5	8.5	7.5		8	8.2	Tam pháp Hai		
43	162350496	Lê Thị Thùy	Phương	B16QTC	10		8	8.5	9.5	8	7.5		8.5	8.7	Tam pháp Baý		
44	162350499	Trần Hải	Quang	B16QTC	8		7	7	6	8	8		6	7.1	Baý pháp Mất		
45	162350500	Phùng Anh	Quân	B16QTC	9		7.5	7	7	9	9		5.5	7.6	Baý pháp Sau		
46	162350501	Nguyễn Khánh Hạnh	Quỳnh	B16QTC	9		7	8	9.5	8.5	9		8	8.5	Tam pháp Nam		
47	162350502	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	B16QTC	8		6	8	8	8	7.5		8	7.8	Baý pháp Tam		
48	162350503	Đinh Ngọc	Sơn	B16QTC	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
49	162350504	Huỳnh Thị Thảo	Sương	B16QTC	10		8.5	8	9.5	8.5	9		7.5	8.7	Tam pháp Baý		
50	162350506	Nguyễn Văn	Thành	B16QTC	8		7	7	8	8	8		7	7.6	Baý pháp Sau		
51	162350507	Nguyễn Thị Bích	Thảo	B16QTC	8		6.5	5	9	8	7.5		7	7.3	Baý pháp Ba		
52	162350509	Cao Văn	Thọ	B16QTC	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
53	162350510	Nguyễn Thị Kim	Thoa	B16QTC	8		7	7.5	7.5	8	8		8	7.8	Baý pháp Tam		
54	162350511	Lê Thị	Thùy	B16QTC	10		8.5	8.5	9.5	7	7		7	8.2	Tam pháp Hai		
55	162350514	Nguyễn Thị Hoài	Thương	B16QTC	10		7.5	8	9.5	7	7		7	8.0	Tam		
56	162350516	Cao Thị Kiều	Trang	B16QTC	10		7	7.5	8.5	8	8.5		7	8.1	Tam pháp Mất		
57	162350517	Lương Thị Ngọc	Trang	B16QTC	10		7	7.5	8.5	7	7		7.5	7.9	Baý pháp Chên		
58	162350518	Lê Uyên Bảo	Trâm	B16QTC	10		7	8.5	8.5	8	7.5		7.5	8.2	Tam pháp Hai		
59	162350520	Nguyễn Tiến	Trung	B16QTC	10		7.5	7	8	8.5	7.5		6	7.7	Baý pháp Baý		
60	162350521	Thái Anh	Tuấn	B16QTC	10		7	8	8.5	8.5	7.5		5.5	7.8	Baý pháp Tam		
61	162350522	Trịnh Mạnh	Tường	B16QTC	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
62	162350523	Phạm Trần Nhã	Uyên	B16QTC	10		8	7.5	9	8	8.5		7	8.2	Tam pháp Hai		
63	162350524	Nguyễn Thị Thúy	Vi	B16QTC	7		6	7	0	8	8		7.5	6.2	Sau pháp Hai		
64	162350525	Trần Thị Ái	Việt	B16QTC	10		7	7.5	9	8	8.5		7.5	8.2	Tam pháp Hai		
65	162350526	Trần Thị Kim	Yên	B16QTC	8		7	7.5	9.5	8.5	9		8	8.2	Tam pháp Hai		
66	162350528	Trần Nữ Tiểu	Yến	B16QTC	10		8	8	9	8	8		7	8.3	Tam pháp Ba		
67	162520532	Lê Nguyên Thục	Anh	B16QTC	10		7.5	8.5	9.5	8	7.5		8	8.5	Tam pháp Nam		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	50	75%	
2	Số sinh viên nợ	17	25%	
TỔNG CỘNG :		67	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Phạm Hồng Phương

TS. Hồ Văn Nhân

ThS. Nguyễn Hữu Phú